TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày: 22-04-2021
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Phước

2. Ông Nguyễn Văn Miên

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Mai Thanh Vũ- kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 04 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 03 năm 2021, Thông báo v/v dời ngày xét xử sơ thẩm số 01/TB-TA ngày 06 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K

Địa chỉ: 40-42-44 Phạm H, Phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Minh C, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh B, theo nội dung ủy quyền tại Giấy số 1517/UQ-NHKL ngày 24/9/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP K

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Quốc S, chức danh: Phó phòng KHCN-KHDN, Ngân hàng TMCP K- Chi nhánh B (Giấy ủy quyền đề ngày 19/10/2020)

2. Bị đơn: Bà Sơn Thị N, sinh năm 1955 và ông Sơn S, sinh năm 1953

Cùng địa chỉ: Ấp T, Thị trấn H, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền của ông Sơn S: Bà Sơn Thị N, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp T, Thị trấn H, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu (Theo giấy ủy

quyền đề ngày 20/11/2020).

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Sơn Thị Kim N1, sinh năm 1984

2. Anh Trương Chí D, sinh năm 1981

3. Anh Trương Chí N2, sinh năm 2004

4. Anh Trương Chí N3, sinh năm 2005

Cùng địa chỉ: Ấp T, Thị trấn H, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu

(Anh S có đơn xin vắng mặt, bà N, ông S, chị N1, anh D, anh N2, anh N3 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2020, tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần K trình bày:

Bà Sơn Thị N và ông Sơn S có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần K-Chi nhánh B số tiền 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng), cụ thể như sau:

*** Hợp đồng tín dụng số 030/19/HĐTD/0200-8302 ngày 10/5/2019**

- Số tiền vay: 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng)
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán, cá tép, tạp hóa
- Giải ngân ngày: 15/05/2019
- Thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn: 15/5/2020
- Lãi suất cho vay: 13.1%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gởi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần K tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay cộng thêm biên độ 3.8%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức cho vay)
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn.
- Hình thức thanh toán: Vốn gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng.

Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay của bà Sơn Thị N và ông Sơn S theo Hợp đồng thế chấp số 039/18/HĐTC-BĐS/0200-4230 ngày 24/4/2018 gồm có: Quyền sử dụng đất số Đ 048840, loại đất : Đất ở, đất vườn tạp, tọa lạc tại ấp T, Thị trấn H, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích: 175 m^2, thuộc thửa số 207-1,207-2, tờ bản đồ số 47, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh L (nay là Hòa B), tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 25/03/2004.

Trong quá trình vay vốn thì bà N và ông S đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu bà Sơn Thị N và ông Sơn S thanh toán số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 030/19/HĐTD/0200-8302 ngày 10/5/2019 cho Ngân hàng thương

mại cổ phần K tạm tính đến ngày 22/4/2021 là 239.178.760 đồng, trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.153.425 đồng, phạt chậm trả lãi là 201.773 đồng, lãi quá hạn là 36.823.562 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 030/19/HĐTD/0200-8302 ngày 10/5/2019 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp bà N, ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

***Hợp đồng VISA số 0103/18/BD/0008-4230, ngày 01/10/2018**

- Hạn mức thẻ JCB: 70.000.000 đ (bảy mươi triệu đồng)
- Loại thẻ: VISA Gold
- Lãi suất vay: 22%/năm
- Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế
- Điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế

Để bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng số 0103/18/BD/0008-4230, ngày 01/10/2018 thì bà N và ông S không có thế chấp tài sản (vay tín chấp).

Trong quá trình vay vốn thì bà N và ông S đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu bà Sơn Thị N và ông Sơn S thanh toán số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 0103/18/BD/0008-4230, ngày 01/10/2018 cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tạm tính đến ngày 22/4/2021 là 84.579.776 đồng (Tám mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng VISA 0103/18/BD/0008-4230, ngày 01/10/2018 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Ngoài ra, Ngân hàng thương mại cổ phần K không còn có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai đề ngày 19 tháng 11 năm 2020 - theo bị đơn là bà Sơn Thị N, đồng thời, bà N là người đại diện theo ủy quyền của ông Sơn S trình bày: Bà N thống nhất theo trình bày của đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần K là đúng. Ngày 10/5/2019, bà N và ông S có ký kết hợp đồng tín dụng số 030/19/HĐTD/0200-8302 với Ngân hàng thương mại cổ phần K vay số tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay thì bà N và ông S có thế chấp quyền sử dụng đất như đại diện Ngân hàng trình bày. Ngoài ra, vào ngày 01/10/2018, bà N và ông S có ký kết hợp đồng tín dụng số 0103/18/BD/0008-4230 với Ngân hàng thương mại cổ phần K vay số tiền vốn gốc là 70.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Để bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng số 0103/18/BD/0008-4230, ngày 01/10/2018 thì bà N và ông Skhông có thế chấp tài sản (vay tín chấp). Do làm ăn thất bại nên bà N và ông S chưa thanh

toán nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Nay trước yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K thì bà N và ông S đồng ý trả toàn bộ số nợ hiện đang thiếu cho Ngân hàng thương mại cổ phần K theo Hợp đồng tín dụng số 030/19/HĐTD/0200-8302 ngày 10/5/2019, Hợp đồng tín dụng số 0103/18/BD/0008-4230, ngày 01/10/2018, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà và ông S xin trả dần. Trường hợp bà N, ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 030/19/HĐTD/0200-8302 ngày 10/5/2019 thì đồng ý cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ngoài ra, bà N không còn ý kiến trình bày gì thêm.

- *Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 18 tháng 01 năm 2021- người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Sơn Thị Kim N1 trình bày*: Cách nay khoảng 06 năm (không nhớ cụ thể năm nào), do gia đình chị không có đất ở nên được cha mẹ ruột là bà N và ông S cho mượn một phần đất thế chấp (ngang 1,7m, dài 2m) để ở. Sau khi mượn phần đất trên, chị đã xây dựng 01 phần căn nhà tạm ngang 1,7m dài 2m, vách thiếc, lợp tol, đòn tay cây dầu, nền gạch men, hiện nay trong phần căn nhà tạm trên thì có chồng chị là anh Trương Chí D, các con là Trương Chí N2, Trương Chí N3 và chị đang ở. Nay trước yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K thì chị có ý kiến như sau: Việc Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu cha mẹ chị là bà Sơn Thị N và ông Sơn S trả nợ cho Ngân hàng thì chị không có ý kiến vì đó là chuyện riêng của cha mẹ chị. Còn đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng thương mại cổ phần K trong trường hợp cha mẹ chị không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ, trong đó có một phần diện tích đất ngang 1,7m, dài 2m mà chị và gia đình đang ở trên đất thì chị đồng ý. Ngoài ra, chị không còn ý kiến trình bày gì thêm.

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung đề xuất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Kiên Long đối với bà Sơn Thị N, ông Sơn S.

Buộc bà Sơn Thị N, ông Sơn S có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K với số tiền tạm tính đến ngày 22/4/2021 là 323.758.536 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/4/2021 đến ngày bà Sơn Thị N, ông Sơn S trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà N, ông S không thanh toán được nợ theo Hợp đồng tín dụng số số 030/19/HĐTD/0200-8302 ngày 10/5/2019 thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí: Bà N, ông S phải nộp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bà N và ông Slà người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Quốc S có đơn xin vắng mặt, bà N, ông S, chị N1, anh D, anh N2, anh N3 vắng mặt tại phiên tòa. Toà án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng dân sự cho bà N, ông S, chị N1, anh D, anh N2, anh N3 theo quy định để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K, nhưng bà N, ông S, chị N1, anh D, anh N2, anh N3 vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S, bà N, ông S, chị N1, anh D, anh N2, anh N3.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với bà Nhiều và ông S:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất thừa nhận: Vào ngày 10/5/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần K và bà N, ông S có ký hợp đồng tín dụng số 030/19/HĐTD/0200-8302, theo đó, Ngân hàng thương mại cổ phần K có cho bà N và ông S vay số tiền vốn gốc là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng),mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán, cá tép, tạp hóa, Giải ngân ngày: 15/05/2019, Thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn: 15/5/2020. Ngoài ra, vào ngày 01/10/2018, bà N và ông S có ký kết hợp đồng tín dụng số 0103/18/BD/0008-4230 với Ngân hàng thương mại cổ phần K vay số tiền vốn gốc là 70.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Đồng thời, Ngân hàng có cung cấp Hợp đồng tín dụng, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Trong quá trình vay vốn thì bà N và ông S đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng, do đó, Ngân hàng yêu cầu bà N, ông S phải hoàn trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 22/4/2021 của Hợp đồng tín dụng số 030/19/HĐTD/0200-8302 ngày 10/5/2019, Hợp đồng tín dụng số 0103/18/BD/0008-4230, ngày 01/10/2018 tổng cộng là 323.758.536 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/4/2021 đến ngày bà N, ông S trả hết nợ cho Ngân hàng. Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, buộc bà Sơn Thị N và ông Sơn S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K vốn, lãi của Hợp đồng tín dụng số 030/19/HĐTD/0200-8302 ngày 10/5/2019,

Hợp đồng tín dụng số 0103/18/BD/0008-4230, ngày 01/10/2018 tạm tính đến ngày 22/4/2021 tổng cộng là 323.758.536 đồng.

Đồng thời, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà N, ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà N, ông S vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.2.] Xét hợp đồng thế chấp số 039/18/HĐTC-BĐS/0200-4230 ngày 24/4/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K và bà Sơn Thị N, ông Sơn S

Xét về hình thức hợp đồng, hợp đồng được lập thành văn bản, được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Xét về nội dung hợp đồng: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 030/19/HĐTD/0200-8302, ngày 10/5/2019 thì bà N và ông Scó thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất số Đ 048840, loại đất : Đất ở, đất vườn tạp, tọa lạc tại ấp T, thị trấn H, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích: 175 m^2, thuộc thửa số 207-1,207-2, tờ bản đồ số 47, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh L (nay là Hòa B), tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 25/03/2004.

Theo biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chổ ngày 18/12/2020, thể hiện phần đất vẫn còn nguyên vẹn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho bà Sơn Thị N, hiện tại vẫn do bà N đứng tên, bà N không chuyển nhượng hay cầm cố cho ai khác. Trên phần đất thế cấp có 01 căn nhà cấp 4 ngang 7m, dài 21,7m, vách tường, lợp tol cây dầu, nền gạch men do bà N, ông S đang ở. Ngoài ra, trên phần đất thế chấp có 01 phần căn nhà tạm ngang 1,7m, dài 2m, vách thiếc, lợp tol, đòn tay cây dầu, nền gạch men do anh Trương Chí D, chị Sơn Thị Kim N1, anh Trương Chí N2, anh Trương Chí N3 đang ở. Đối chiếu với đơn yêu cầu đăng ký thế chấp, hợp đồng thế chấp tài sản thể hiện có chữ ký của bà Sơn Thị N, ông S, xét thấy, các bên giao kết hợp đồng là tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật về hình thức, nội dung, đúng quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và bà N, ông S là có thật và hợp pháp. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu trường hợp bà N, ông S không có khả năng thanh toán được nợ theo Hợp đồng tín dụng số 030/19/HĐTD/0200-8302, ngày 10/5/2019 thì yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi khoản nợ trên cũng là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Sơn Thị N và ông Sơn S phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí sơ thẩm: Bà Sơn Thị N và ông Sơn S phải chịu nộp là 323.758.536 đồng x5% = 16.187.926 đồng. Tuy nhiên, do bà Sơn Thị N và ông Sơn S là người cao tuổi, đồng thời, bà N, ông S có đơn xin miễn nộp án phí. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn nộp tiền án phí cho bà N, ông S số tiền 16.187.926 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần K đã dự nộp số tiền 5.346.000 đồng tại biên lai thu số 0010299 ngày 30/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu và đã dự nộp số tiền 1.843.000 đồng tại biên lai thu số 0010362 ngày 23/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà N, ông S phải chịu 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần K đã dự nộp xong. Bà N, ông S có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng)

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với bà Sơn Thị N và ông Sơn S về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bà Sơn Thị N và ông Sơn S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền nợ tổng cộng là: 323.758.536 đ (Ba trăm hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng), cụ thể:

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 030/19/HĐTD/0200-8302 ngày 10/5/2019 tạm tính đến ngày 22/4/2021 là 239.178.760 đồng, trong đó: Nợ gốc

là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.153.425 đồng, phạt chậm trả là 201.773 đồng, lãi quá hạn là 36.823.562 đồng.

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 0103/18/BD/0008-4230, ngày 01/10/2018 tạm tính đến ngày 22/4/2021 là 84.579.776 đồng, trong đó: Nợ gốc là 61.656.748 đồng, lãi phát sinh còn lại:14.594.847 đồng, phí phạt chậm trả còn lại: 6.790.085 đồng, phí thường niên: 400.000 đồng, phí phạt vượt hạn mức còn lại: 1.138.096 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà N, ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà N, ông S vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà N, ông S không thanh toán được nợ theo Hợp đồng tín dụng số 030/19/HĐTD/0200-8302, ngày 10/5/2019 thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số Đ 048840, loại đất : Đất ở, đất vườn tạp, tọa lạc tại ấp T, thị trấn H, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích: 175 m^2, thuộc thửa số 207-1,207-2, tờ bản đồ số 47, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh L (nay là Hòa B), tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 25/03/2004.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà N, ông S phải chịu 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần K đã dự nộp xong. Bà N, ông S có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng)

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Miễn nộp án phí sơ thẩm cho bà Sơn Thị N và ông Sơn S số tiền 16.187.926 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần K đã dự nộp số tiền 5.346.000 đồng tại biên lai thu số 0010299 ngày 30/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu và đã dự nộp số tiền 1.843.000 đồng tại biên lai thu số 0010362 ngày 23/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Mỹ Xuyên